TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐĂK LĂK
Bản án số: 22 /2023/DS-ST
Ngày: 13 - 3-2023
V/v: Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tú Oanh

Bà Bùi Thị Phương Thảo.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nguyệt Ánh–Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo –Kiểm sát viên.

Ngày 13/3/2023 tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2019/DSST ngày 12/8/2019 V/v " Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2022/QĐXX-DS ngày 29/11/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 297/2022/QĐ-HPT ngày 15/12/2022 và Thông báo chuyển lịch xét xử vụ án giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm: 1974; ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1967.

Ông Nguyễn Hữu H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Bích L (Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2019); Địa chỉ: Đường R, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Mai Thị Hồng Y, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

+ Anh Mai Quốc M, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Ngày 29/7/2007, vợ chồng tôi có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Mai Xuân S và bà Trương Thị C một lô đất có diện tích 5mx21m, tổng cộng là 105m^2, (hiện nay là số nhà Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh ĐắkLắk) có vị trí: Phía Đông dài 21m giáp đất ông C; Phía Tây dài 21m giáp nhà ông V; phía Nam dài 5m giáp đường N; phía Bắc dài 5m giáp đất nhà bà C. Giá chuyển nhượng là 125.000.000đồng, gia đình tôi đã thanh toán đủ cho gia đình bà C số tiền trên (khi chuyển nhượng gia đình bà C chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Khi mua bán có lập giấy tờ chuyển nhượng viết tay với nhau, có thỏa thuận gia đình bà C có nghĩa vụ liêm hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào có thông báo thuế thì vợ chồng tôi sẽ chịu chi phí chuyển đổi mục đích sử dụng 75m^2 đất thổ cư.

Từ khi chuyển nhượng đến nay tôi đã xây nhà trọ và trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích trên không có ai tranh chấp gì.

Năm 2015 gia đình bà C làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không báo gia đình tôi để cùng làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, vợ chồng tôi khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng tôi và vợ chồng bà Trương Thị C để vợ chồng tôi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tôi được biết chồng bà Trương Thị C là ông Mai Xuân S đã chết từ năm 2017; bà C và ông S có 02 người con chung là chị Mai Thị Hồng Y và anh Mai Quốc M, bố mẹ ông S đã chết từ lâu trước ông S và ông S, bà C không có người con nuôi, con riêng nào cả.

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bị đơn bà Trương Thị C trình bày:

Những nội dung như bà L trình bày về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng tôi và vợ chồng bà L là đúng, Ngày 29/7/2007 vợ chồng tôi chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H một lô đất có diện tích 5mx21m (Theo Trích lục bản đồ địa chính số 274/TL-VPĐKĐĐ-ĐDV Của Văn phòng đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh ĐắkLắk).

Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho gia đình cô L, gia đình tôi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc diện tích đất là trước đây vợ chồng tôi được nhà máy cơ khí T cấp năm 1982, diện tích chính xác là bao nhiêu thì tôi không

rõ, nhưng mỗi hộ được quản lý sử dụng khoảng 600m^2 thể hiện bằng hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 18, tờ bản đồ số 48, do Trung tâm kỹ thuật địa chính Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk đo ngày 08/11/2005 thể hiện diện tích là 1014,7m^2 trong đó gồm cả một thửa gia đình tôi được cấp và một thửa phía bên kia mương nước là nhận chuyển nhượng lại của Hoàng Văn T từ năm 1993, (hiện nay giấy tờ cấp đất tôi đã nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Năm 2015 gia đình tôi đã làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 922800, ngày 08/6/2015, tuy nhiên do cứ nghĩ đã chuyển nhượng một phần đất cho các hộ liền kề trong đó có hộ bà L nên gia đình tôi chỉ làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất gia đình tôi thực tế sử dụng, còn phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho gia đình bà L, ông C, ông T và một phần đất tôi đã cho con tôi là Mai Quốc M thì tự người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đi làm thủ tục.

Nay vợ chồng bà L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng tôi và vợ chồng bà L thì tôi đồng ý, tôi đã nhận đủ tiền và đã giao đất cho bà L, nay bà L có nghĩa vụ liên hệ với nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình tôi sẵn sàng hợp tác, ký mọi thủ tục, giấy tờ cần thiết.

Chồng tôi ông Mai Xuân S chết năm 2017, vợ chồng tôi chỉ có 02 người con là Mai Thị Hồng Y và Mai Quốc M, bố mẹ chồng tôi đã chết từ lâu, việc vợ chồng tôi chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho vợ chồng bà L, ông H các con tôi cũng biết và đồng ý việc chuyển nhượng đất nêu trên. Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa vợ chồng tôi và vợ chồng bà L, ông H.

3. Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Quốc M trình bày:

Diện tích đất bố tôi là ông Mai Xuân S và mẹ tôi là Trương Thị C chuyển nhượng cho vợ chồng bà L, ông H ngày 29/7/2007, là do bố mẹ tôi được nhà máy cơ khí T cấp từ năm 1982, khi đó tôi và em gái tôi là Mai Thị Hồng Y còn nhỏ nên không có công sức đóng góp gì.

Năm 2017 bố tôi là ông Mai Xuân S chết, nay anh em tôi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thì tôi đồng ý với quan điểm của mẹ tôi nêu trên. Diện tích đất đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh H, chị L bố mẹ tôi đã nhận tiền đầy đủ và giao đất từ năm 2007 nên không có yêu cầu gì, gia đình tôi sẵn sàng hợp tác, ký mọi thủ tục giấy tờ khi chị L làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa gia đình tôi và vợ chồng bà L, ông H.

4. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thị Hồng Y trình bày:

Tôi nhất trí với ý kiến của mẹ tôi và anh M đã trình bày, gia đình tôi sẵn sàng hợp tác để gia đình chị L làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa gia đình tôi và vợ chồng bà L, ông H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 122, Điều 124, Điều 688, Điều 689, Điều 691, Điều 697; Điều 698; Điều 701, Điều 702 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ Điều 117, Điều 129 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ: Điều 95, Điều 166, Điều 167, Điều 169, Điều 170, Điều 179, Điều 188 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ: Điều 12, Khoản 1 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Hữu H.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/7/2007 giữa vợ chồng ông Mai Xuân S, bà Trương Thị C với vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H. Vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H được quyền sử dụng diện tích đất 106.0m^2 tại thửa đất số 204, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại phường EaTam, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (Theo trích lục bản đồ địa chính số 274/TL-VPĐKĐĐ- ĐDV ngày 24/01/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk).

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật và chịu mọi nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

Bị đơn phải chịu án phí DSST, chi phí xem xét thẩm định và đo vẽ kỹ thuật thửa đất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bị đơn cư trú tại phường E, thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Mai Quốc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung khởi kiện: Nguyên đơn vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 29/7/2007 giữa vợ chồng ông Mai Xuân S, bà Trương Thị C với vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H đối với diện tích đất 106.0m^2 tại thửa đất số 204, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và cung cấp chứng cứ là " Giấy biên nhận đề ngày 29/7/2007 có nội dung: Bên A là ông Mai Xuân S, bà Trương Thị C có bán cho bên B là ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Bích L miếng đất số thửa là 117, tờ bản đồ số 48, chiều ngang 5m, chiều dài 21m, tổng thể là 105m^2 , tổng số tiền là 125.000.000đ..."

Nguồn gốc diện tích đất bà L, ông H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông S, bà C do bị đơn xác định và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương là một phần trong diện tích đất vợ chồng bà C, ông S được nhà máy cơ khí T cấp năm 1982, diện tích khoảng 600m^2 thể hiện bằng danh sách cấp đất của Công ty cổ phần T (hồ sơ do CNVPĐKĐĐ cung cấp, bút lục 121,122) hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 18, tờ bản đồ số 48, do Trung tâm kỹ thuật địa chính Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk đo ngày 08/11/2005 thể hiện diện tích là 1014,7m^2 trong đó gồm cả một thửa gia đình bà C được cấp và một thửa phía bên kia mương nước là nhận chuyển nhượng lại của Hoàng Văn T từ năm 1993, (bút lục 128, 129); Biên bản lấy lời khai và biên bản xác minh ngày 23/8/2022 (bút lục 127, 131).

Kết quả xác minh xác định diện tích đất vợ chồng bà L, ông H thỏa thuận nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông S, bà C được quy hoạch là đất ở đô thị và vợ chồng bà L, ông S trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 2007, không có ai tranh chấp gì.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là con chung của ông S, bà C đều thừa nhận vợ chồng ông S, bà C đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà L, ông H, vợ chồng ông S, bà C đã nhận đủ tiền và giao đất cho vợ chồng bà L, ông H sử dụng từ năm 2007, các con chung của ông S, bà C đều đồng ý và đều yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất nêu trên.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của những người tham gia tố tụng, HĐXX xét thấy:

Mặc dù hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/7/2007 giữa vợ chồng bà L, ông H với vợ chồng bà C ông S không tuân thủ đúng quy định về hình thức của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quy định tại Điều 688, Điều 689, Điều 691 Bộ luật dân sự năm 2005, tuy nhiên vợ chồng bà L, ông H đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/02/2008, và vợ chồng bà C, ông S cũng đã bàn giao đất cho vợ chồng bà L sử dụng từ năm 2007, ngoài ra diện tích đất trên không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, các bên đương sự đều yêu cầu Tòa án công nhận giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 129 Bộ luật dân sự cần chấp nhận .

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định và chịu mọi nghĩa vụ tài chính với nhà nước là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị C phải chịu án phí DSST V/v Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 300.000đ. Tuy nhiên do bà Trương Thị C sinh năm 1958 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án là phù hợp.

Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Hữu H không phải chịu án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

[5] Về chi phí thẩm đinh tại chỗ và đo vẽ kỹ thuật thửa đất:

Bà Trương Thị C phải chịu 1.072.730đ chi phí đo vẽ kỹ thuật thửa đất, và 1.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H không phải chịu chi phí được nhận lại 1.072.730đ chi phí đo vẽ kỹ thuật thửa đất, và 1.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp và đã chi phí xong sau khi thu được của bà Trương Thị C.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.*

Căn cứ vào Điều 122, Điều 124, Điều 688, Điều 689, Điều 691, Điều 697; Điều 698; Điều 701, Điều 702 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ: Điều 117, Điều 129 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ: Điều 95, Điều 166, Điều 167, Điều 169, Điều 170, Điều 179, Điều 188 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ: điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 1 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2] **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Hữu H.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy biên nhận ngày 29/7/2007) giữa vợ chồng ông Mai Xuân S, bà Trương Thị C với vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H được quyền sử dụng diện tích đất 106.0m^2 tại thửa đất số 204, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Theo trích lục bản đồ địa chính số 274/TL-VPĐKĐĐ- ĐDV ngày 24/01/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk).

Vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ L hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định của pháp luật và chịu mọi nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

[3] Về lệ phí thẩm định và đo vẽ kỹ thuật thửa đất: Bà Trương Thị C phải chịu 1.072.730đ (Một triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, bảy trăm ba mươi đồng) chi phí đo vẽ kỹ thuật thửa đất, 40.000đ (bốn mươi ngàn đồng) lệ phí trích lục hồ sơ, và 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích L, ông Nguyễn Hữu H không phải chịu chi phí được nhận lại 1.072.730đ chi phí đo vẽ kỹ thuật thửa đất, 40.000đ lệ phí và 1.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp và đã chi phí xong sau khi thu được của bà Trương Thị C.

[4] Về án phí DSST: Bà Trương Thị C được miễn nộp 300.000đ tiền án phí DSST.

Bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Hữu H không phải chịu án phí được nhận lại 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002158 ngày 06/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.BMT;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt